UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06a/KH-HH

Bắc Gia Nghĩa, ngày 19 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Thu-chi các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường năm học 2025 -2026.

Căn cứ Quyết định số 748/ QĐ - UBND, ngày15/8/2025, Ban hành Khung kế hoạch năm học 2025 -2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 385/2024/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 12 năm 2024, Nghị quyết Quy định danh mục các khản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ hướng dẫn số 664/SGDĐT- KHTC, ngày 03 tháng 09 năm 2025, hướng dẫn thực hiện các khoản thu từ các nguồn thu hợp pháp năm học 2025 - 2026 đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ thực hiện nhiệm vụ năm học số 06/KH - HH, ngày 19/9/2025,

Trường Mầm non Hoa Hồng xây dựng kế hoạch thu chi các khoản thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục trong nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau.

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi

Là năm học đầu tiên triển khai mô hình chính quyền đại phương hai cấp, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, HĐND và UBND phường Bắc Gia Nghĩa. Đây là động lực quan trọng giúp các hoạt động của nhà trường được định hướng rõ ràng và thuận lợi hơn.

Bên cạnh đó, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công việc, đoàn kết và thống nhất trong mọi hoạt động. Sự đồng lòng này không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảng dạy mà còn tạo điều kiện phát huy tốt những giá trị tích cực của xã hội, đóng góp thiết thực cho sự nghiệp giáo dục tại địa phương.

2. Khó khăn

Trong bối cảnh ngân sách nhà nước còn hạn chế, nguồn kinh phí phân bổ cho giáo dục thắt chặt, việc đầu tư xây dựng và bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường gặp nhiều trở ngại. Trang thiết bị phục vụ dạy – học còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu giảng dạy cũng như học tập của giáo viên và học sinh. Bên cạnh đó, số lượng học sinh giảm do tình trạng học sinh chuyển

đi nhiều, gây ảnh hưởng trực tiếp đến quy mô và chất lượng hoạt động giáo dục. Đây là thách thức chung mà nhà trường phải đối mặt trong năm học này.

II. Các khoản thu và mức thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục

TT	Các khoản thu dịch vụ	Đơn vị tính	Mức thu
1	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng các ngày nghỉ, ngày hè (8 giờ/ ngày)	1.000 đồng /học/ngày	40.000
2	Dịch vụ ăn bán trú của học sinh (tiền ăn)	1.000 đồng /học/ngày	25.000
3	Dịch vụ phục vụ bữa ăn sáng của học sinh	1.000 đồng /học/ngày	15.000
4	Dịch vụ chăm sóc bán trú: Thuê người nấu ăn. Chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa.	1.000 đồng /học/tháng	265.000
5 6	Dịch vụ tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non. Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu.	1.000 đồng /học/tháng	40.000
7	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	1.000 đồng /học/tháng	50.000

(Có bảng dự toán thu-chi chi tiết kèm theo)

III. Nội dung chi

1. Dịch vụ ăn bán trú của học sinh: Bao gồm bữa ăn trưa và bữa ăn xế. Thực đơn được xây dựng theo tuần và niêm yết tại các lớp, khu vực bếp cũng như bảng thông tin của trường để phụ huynh tiện theo dõi. Trong trường hợp giá thực phẩm trên thị trường biến động, nhà trường sẽ họp phụ huynh để thảo luận, thống nhất mức điều chỉnh phù hợp. Đồng thời, nhà trường cam kết lựa chọn nhà cung cấp thực phẩm đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn về chất lượng, giá cả và hồ sơ pháp lý đầy đủ. Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Dịch vụ phục vụ bữa ăn sáng của học sinh: Bao gồm tiền mua nguyên, nhiên liệu nấu bữa ăn sáng; tiền mua gia vị, nước rửa chén, bao tay, ...

3. Dịch vụ chăm sóc bán trú:

a. Thuê người nấu ăn : Đối với khoản tiền thuê người nấu ăn, đơn vị chi trả 6.300.000đ/ 1. (Số tiền ghi bằng chữ: Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

b. Chi phí tổ chứ quản lý bán trú: Đơn vị sử dụng 27% sau khi trừ tiền chi trả tiền thuê người nấu ăn để chi trả chi phí tổ chức quản lý bán trú tại trường. (Có bảng chi chi tiết kèm theo)

c. Hỗ trợ giờ trực nghỉ trưa: Đơn vị sử dụng 73% sau khi trừ tiền chi trả tiền thuê người nấu ăn để hỗ trợ giờ trực nghỉ trưa cho giáo viên. (Có bảng chi chi tiết kèm theo)

4. Dịch vụ tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non. Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu.

a. Dịch vụ tăng cường vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non: Chi mua giấy vệ sinh, xà phòng Lifebouy, …(Có bảng chi chi tiết kèm theo)

b. Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu: Chi trả tiền thuê người dọn vệ sinh sân trường, phòng vệ sinh trong các lớp học; chi mua dụng cụ hàng hóa phục vụ công tác dọn vệ sinh như: chổi, vim, Lifebouy, bao tay, xà bông, nước lau nhà, chổi …(Có bảng chi chi tiết kèm theo).

5. Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú: Đơn vị sử dụng dịch vụ này dùng để chi trả tiền mua ga (chất đốt), điện, nước sạch, nước rửa chén, nước lau nhà, bao tay chia cơm, túi đựng rác …; Mua bổ sung đồ dùng bán trú khi có hư hỏng như: bếp ga công nghiệp, xô đựng thức ăn, canh, cơm, thau ướp thực phẩm, thau rửa, rổ rá, dao, thớt, nồi, chảo, kéo ... (Có bảng chi chi tiết kèm theo).

IV. Công tác quản lý thu, chi:

Nhà trường luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản lý tài chính, cụ thể là Thông tư số 19/2005/TT-BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính về quy chế công khai tài chính từ nguồn ngân sách và nguồn đóng góp của nhân dân; Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Nguyên tắc thu, chi

Tất cả các khoản thu, chi được thực hiện đúng mục đích, đảm bảo tính công khai, dân chủ và minh bạch.

Các khoản thu được thực hiện theo Nghị quyết 385/NQ-HĐND, ngày 10/12/2024, Nghị quyết Quy định danh mục các khản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Đảm bảo nguyên tắt thu vừa đủ chi, mang tính chất phục vụ, không mang tính kinh doanh, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

Kết quả thu - chi được công khai trên bảng thông tin của trường, báo cáo trong các cuộc họp cha mẹ học sinh và gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên.

2. Công tác kế toán và quyết toán

Nhà trường tổ chức hạch toán, thống kê và quyết toán tài chính đúng quy định.

Thực hiện đầy đủ yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan tài chính và cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và minh bạch của mọi số liệu, chứng từ, tài liệu cung cấp.

3. Hình thức thu – nộp tài chính

Mọi khoản thu từ học sinh hoặc phụ huynh đều phải có biên lai, phiếu thu hợp lệ hoặc chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng của trường. Theo số tài khoản 118637579999- Mở tại ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đăk Nông.

Số tiền thu được phải nộp vào ngân hàng theo định kỳ, hạn chế để tiền mặt tại trường nhằm giảm thiểu rủi ro.

4. Công tác khuyến khích, ghi nhận đóng góp

Nhà trường kịp thời biểu dương, ghi nhận những tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm đã có đóng góp về tài chính, hiện vật hoặc các hình thức hỗ trợ khác.

Việc tuyên dương được thực hiện công khai trên bảng thông tin và trong các cuộc họp cha mẹ học sinh.

Trên đây là kế hoạch thu, chi các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục tại trường mầm non Hoa Hồng trong năm học 2025 - 2026.

Nơi nhận:
- UBND phường (b/c)
- Ban đại diện CMHS;
- Lưu KT.

HIỆU TRƯỞNG

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA T. LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

Đoàn Thị Hà

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU - CHI DỊCH VỤ TĂNG CƯỜNG CHO VIỆC VỆ SINH CÁ NHÂN ĐỐI VỚI TRẺ MẦM NON. VỆ SINH SÂN TRƯỜNG VÀ KHU VỰC VỆ SINH CỦA HỌC SINH THEO YÊU CẦU NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo kế hoạch số 06a/ KH-HH, ngày 19 tháng 09 năm 2025)

ĐVT: Đồng

A. PHẦN THU

STT	Nội dung	Số tiền/học sinh/tháng	Tổng Số học sinh	Số tháng	Thành tiền
1	Dịch vụ tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non. Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu	40.000	150	9	**54.000.000**

B. PHẦN CHI

I. Dịch vụ tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non. Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu:

STT	Nội dung	Số lớp/ số lượng	Số tháng/ số học kỳ/năm học	Đơn giá	Số tiền
1	**Thuê công lao động vệ sinh sân trường, khu vực vệ sinh của học sinh theo nhu cầu**	**1**	**9**	**2.000.000**	**18.000.000**
2	**Tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non**				**9.180.000**
a	Giấy vệ sinh dùng cho các lớp	12	9	45.000	4.860.000
b	Xà phòng Lifebouy rửa tay (2 chai/ tháng *9 tháng * 8/ lớp, bếp = 144 chai)	16	9	30.000	4.320.000
3	**Chi mua vật tư, hàng hóa để dọn vệ sinh.**				**26.820.000**
1	Nước lau sàn nhà	8	72	31.000	2.232.000
2	Wim rửa bồn cầu	8	63	31.000	1.953.000
3	Cây lau nhà	8	15	281.000	4.215.000
4	Chổi đót lớn	8	16	61.000	976.000
5	Chổi quét nước	8	8	37.000	296.000
6	Thảm lau chân lớn	8	16	91.000	1.456.000
7	Xà bông omo 400gr	8	72	20.000	1.440.000
8	Túi đựng rác	8	72	29.000	2.088.000
9	Xúc rác	8	3	28.000	84.000
10	Ca múc nước	8	4	21.000	84.000
11	Bao tay cao su	8	16	18.000	288.000
12	Bàn chải chà sàn	8	7	20.000	140.000
13	Cây cọ nhà VS	8	7	20.000	140.000
14	Thùng rác	8	3	209.000	627.000
15	Bô tiểu đứng	8	2	20.000	40.000
16	Tiền mua thiết bị thay thế trong phòng vệ sinh các lớp học				2.700.000
17	Hỗ trợ giáo viên các lớp dọn nhà vệ sinh lớp của mình, mức hỗ trợ dựa trên phần tiền còn lại của lớp sau khi đã được chi mua các hàng hóa và dịch vụ.				8.061.000
	Tổng Chi				**54.000.000**

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU - CHI THUÊ NGƯỜI NẤU ĂN, CHI PHÍ TỔ CHỨC QUẢN LÝ BÁN TRÚ TẠI TRƯỜNG, HỖ TRỢ TRỰC GIỜ NGHỈ TRƯA NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo kế hoạch số 06a/ KH-HH, ngày 19 tháng 09 năm 2025)

ĐVT: đồng

A. PHẦN THU

STT	Khoản thu	Số tiền/học sinh/tháng	Tổng Số học sinh	Số tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	Thuê người nấu ăn. Chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	265.000	150	9	357.750.000	
	Tổng cộng				**357.750.000**	

B. PHẦN CHI

STT	Nội dung	Số tiền/tháng/ người	Số tiền/tháng	Số tháng	Thành tiền
1	**Thuê người nấu ăn.**				**113.400.000**
	Người nấu ăn (2 người)	2	6.300.000	9	113.400.000
2	**Chi phí quản lý tổ chức quản lý bán trú tại trường**				**65.974.500**
1	Hiệu trưởng	1	1.980.000	9	17.820.000
2	Phó hiệu trưởng	1	1.690.000	9	15.210.000
3	Kế toán	1	1.690.000	9	15.210.000
4	Y tế	1	1.470.500	9	13.234.500
5	Bảo vệ	1	500.000	9	4.500.000
3	**Chi hỗ trợ giờ trực giờ nghỉ trưa**				**178.375.500**
1	Nhà trẻ	2	726.715	9	13.080.870
2	Mầm 1	2	990.975	9	17.837.550
3	Mầm 2	2	990.975	9	17.837.550
4	Chồi 1	2	1.717.690	9	30.918.420
5	Chồi 2	2	1.717.690	9	30.918.420
6	Lá 1	2	1.783.755	9	32.107.590
7	Lá 2	2	1.981.950	9	35.675.100
	Tổng chi				**357.750.000**

UBND PHƯỜNG BẮC GIA NGHĨA
TRƯỜNG MẦM NON HOA HỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU - CHI DỊCH VỤ PHỤC VỤ TỔ CHỨC NẤU ĂN BÁN TRÚ NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo kế hoạch số 06a/ KH-HH, ngày 19 tháng 09 năm 2025)

ĐVT: đồng

A. PHẦN THU

STT	Khoản thu	Số tiền/học sinh/tháng	Tổng Số học sinh	Số tháng	Thành tiền
1	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	50.000	150	9	67.500.000
	Tổng cộng				**67.500.000**

B. PHẦN CHI

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Số tháng	Số tiền	Thành tiền
I. Nước rửa chén, gang tay, nước lau sàn, túi rác, xà phòng giặt, rửa tay						**64.232.000**
1	Mua chất đốt (ga)	Bình	3	9	1.380.000	37.260.000
2	Điện (Theo hóa đơn thực tế)			4	2.880.000	11.520.000
3	Nước sạch (Theo hóa đơn thực tế)			9	150.000	1.350.000
4	Miếng lưới rửa chén (2 miếng /tháng * 9 tháng)	Miếng	2	9	15.000	270.000
5	Miếng chà nồi (2 miếng /tháng * 9 tháng)	Miếng	2	9	8.000	144.000
6	Nước rửa chén (6 can / tháng *9 tháng)	Can	6	9	95.000	5.130.000
7	Nước lau sàn bếp 4 chai/tháng * 9 tháng)	Chai	4	9	32.000	1.152.000
8	Túi đựng rác nhà bếp	Kg	3	9	31.000	837.000
9	Nước rửa tay liboy nhà bếp	Chai	2	9	75.000	1.350.000
10	Bao tay cao su	Đôi	20	9	20.000	3.600.000
11	Bao tay chia ăn	kg	1,5	9	90.000	1.215.000
12	Ủng	Đôi		2	120.000	240.000
13	Hốt rác	Cái		1	44.000	44.000
14	Gạt nước	Cái		1	120.000	120.000
II. Công cụ phục vụ nấu ăn bán trú						**3.268.000**
1	Thớt gỗ đại	Cái		2	196.000	392.000
2	Vá múc canh	Cái		3	30.000	90.000
3	Dao Thái Lan	Cái		2	213.000	426.000
4	Dao cắt thịt	Cái		1	113.000	113.000
5	Kẹp chiên thức ăn	Cái		1	37.000	37.000
6	Nồi Inox	Cái		2	320.000	640.000
7	Kéo	Cái		2	35.000	70.000
8	Bếp	Cái		1	1.500.000	1.500.000
	Tổng chi					**67.500.000**